

Số: /TB-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Ý kiến kết luận của Thứ trưởng Phùng Đức Tiến tại Hội nghị “Phát triển nuôi trồng thủy sản các tỉnh phía Bắc năm 2026 và triển khai Đề án phát triển NTTS hồ chứa giai đoạn 2026 - 2030”

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tổ chức Hội nghị “Phát triển nuôi trồng thủy sản các tỉnh phía Bắc năm 2026 và triển khai Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa giai đoạn 2026 - 2030”. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phùng Đức Tiến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ngô Hạnh Phúc, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư Trần Đình Luân đồng chủ trì Hội nghị. Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ, ngành liên quan; lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; lãnh đạo Ủy ban nhân dân và Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố phía Bắc đến thành phố Huế; đại diện Hội Thủy sản Việt Nam..., một số viện nghiên cứu, trường đại học; doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu thủy sản và cơ quan thông tấn, báo chí.

Sau khi nghe các báo cáo tham luận và ý kiến phát biểu của các đơn vị chuyên môn, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và địa phương, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phùng Đức Tiến kết luận như sau:

1. Đánh giá chung

Nuôi trồng thủy sản (NTTS) các tỉnh phía Bắc năm 2025 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, với diện tích khoảng 309 nghìn ha, sản lượng đạt khoảng 1,3 triệu tấn; đóng góp quan trọng vào an ninh thực phẩm, tiêu dùng nội địa và sinh kế của người dân. Cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng đa dạng đối tượng nuôi; một số mô hình nuôi lồng trên sông, hồ chứa, nuôi đặc sản và nuôi cá nước lạnh bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế.

Bên cạnh đó, cơ cấu đối tượng nuôi cần tiếp tục được rà soát, điều chỉnh theo hướng tập trung vào các loài có tỷ trọng sản xuất lớn, giá trị kinh tế cao và thị trường ổn định (như tôm nước lợ, cá biển, nhuyễn thể, cá rô phi, cá trắm, cá chép, tôm càng xanh...), đồng thời quan tâm bảo tồn và phát triển các loài thủy sản bản địa, đặc hữu có giá trị (như cá lăng, cá chiên, cá bống, cá tầm nước lạnh...). Một số địa phương đã bước đầu khai thác lợi thế về điều kiện sinh thái, gắn phát triển NTTS với yếu tố văn hóa, tập quán sản xuất và sản phẩm đặc sản vùng miền, góp phần hình thành các sản phẩm thủy sản mang tính đặc trưng, nâng cao giá trị đa mục tiêu (kinh tế – xã hội – du lịch).

Tuy nhiên, phát triển nuôi trồng thủy sản khu vực phía Bắc vẫn còn những hạn chế như: sản xuất nhỏ lẻ, phân tán; hạ tầng chưa đồng bộ; chất lượng giống và liên kết chuỗi còn yếu; công tác quản lý môi trường, kiểm soát dịch bệnh chưa đáp ứng yêu cầu. Đặc biệt, tiềm năng nuôi trồng thủy sản hồ chứa và nuôi biển – dư địa lớn của khu vực – chưa được khai thác hiệu quả; cơ chế quản lý liên ngành, phân vùng nuôi và kiểm soát sức tải môi trường còn thiếu đồng bộ.

Trong thời gian tới, phát triển nuôi trồng thủy sản các tỉnh phía Bắc cần chuyển mạnh từ sản xuất phân tán sang tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; từ tăng trưởng theo sản lượng sang nâng cao giá trị, hiệu quả; từ khai thác tiềm năng sang quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường. Đồng thời, tiếp tục cơ cấu lại đối tượng nuôi theo hướng phát huy lợi thế từng vùng sinh thái, ưu tiên các loài chủ lực, loài bản địa có giá trị cao; gắn phát triển NTTS với bảo tồn đa dạng sinh học, gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương và phát triển kinh tế đa giá trị. Trong đó xác định nuôi trồng thủy sản hồ chứa và nuôi biển là khâu đột phá; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu.

2. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2026

Tổ chức thực hiện đầy đủ, thống nhất các quy định của Luật Thủy sản và văn bản hướng dẫn thi hành; tăng cường thanh tra, kiểm tra, đưa pháp luật vào thực tiễn sản xuất.

Đề duy trì tăng trưởng và phát triển bền vững, nuôi trồng thủy sản các tỉnh phía Bắc cần tổ chức sản xuất theo hướng kiểm soát quy mô, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; phát triển phù hợp theo không gian sinh thái và điều kiện từng vùng. Các địa phương cần chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất theo mùa vụ, đối tượng nuôi; kiểm soát mật độ nuôi, bảo đảm an toàn sinh học, hạn chế rủi ro dịch bệnh.

Đồng thời, tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực, có giá trị kinh tế cao, duy trì và phát triển các đối tượng đặc sản gắn với lợi thế địa phương; tăng cường quản lý chất lượng giống, vật tư đầu vào, nâng cao khả năng chủ động nguồn giống. Việc đẩy mạnh liên kết sản xuất – khai thác - chế biến – tiêu thụ, phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm thủy sản cần được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Cùng với đó, các đơn vị thuộc Bộ và địa phương cần tăng cường công tác quản lý môi trường; kiểm soát dịch bệnh; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và các yếu tố bất lợi trong sản xuất; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất nuôi trồng thủy sản.

3. Về triển khai Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa giai đoạn 2026 – 2030

a) Cục Thủy sản và Kiểm ngư đầu mối, khẩn trương tham mưu kế hoạch hành động triển khai Đề án trên phạm vi cả nước; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện; định kỳ báo cáo Bộ theo quy định.

b) Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, bố trí và lồng ghép nguồn lực từ các nhiệm vụ, chương trình, dự án để triển khai Đề án; đồng thời rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

Tổ chức điều tra, đánh giá tiềm năng, phân vùng nuôi trồng thủy sản hồ chứa gắn với xác định sức tải môi trường; tăng cường quan trắc, giám sát môi trường, cảnh báo dịch bệnh và xây dựng cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ quản lý.

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, phát triển giống và quy trình nuôi phù hợp; phát triển các mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình đồng quản lý gắn với bảo vệ nguồn lợi và phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng vùng hồ.

Tăng cường phối hợp liên ngành trong quản lý, khai thác và sử dụng tổng hợp tài nguyên hồ chứa, bảo đảm hài hòa giữa nuôi trồng thủy sản với các lĩnh vực thủy lợi, tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai, du lịch và các hoạt động kinh tế khác.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ Đề án được phê duyệt, khẩn trương xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa tại địa phương; bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng hiệu quả, bền vững; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Thủy sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ và nguồn lợi thủy sản và an toàn hồ đập; đẩy mạnh phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong quá trình triển khai Đề án; đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa. Đồng thời, tăng cường quản lý, tổ chức không gian phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo quy hoạch, gắn với các hoạt động sản xuất, sinh kế trên hồ và khu vực xung quanh hồ; bảo đảm sự hài hòa giữa nuôi trồng thủy sản với các hoạt động như thủy điện, du lịch, bảo vệ rừng đầu nguồn và sản xuất nông nghiệp ven hồ. Từng bước hình thành các mô hình phát triển tổng hợp, đa mục tiêu, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương.

Lồng ghép phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa vào các Chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thông qua việc xây dựng các mô hình sinh kế cụ thể, phù hợp với điều kiện từng địa phương; bảo đảm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tính khả thi trong tổ chức thực hiện, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, tạo sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa.

Đối với các địa phương có tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa với hình thức nuôi thả trực tiếp cần tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện,

ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định.

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội

- Đề nghị Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam, Hội Thủy sản Việt Nam... chủ động kết nối các nguồn lực để phân tích thị trường, xu hướng tiêu dùng; cung cấp thông tin cho hội viên nhằm hỗ trợ định hướng phát triển sản xuất, hướng dẫn hội viên thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật.

- Các doanh nghiệp, cơ sở nuôi, chế biến, xuất khẩu đẩy mạnh đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm chế biến sâu và sản phẩm giá trị gia tăng; quan tâm xây dựng thương hiệu; từng bước áp dụng các biện pháp quản lý, đo lường phát thải khí nhà kính; chuyển đổi sang công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo; đồng thời, tiếp tục nâng cao năng lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng các yêu cầu của thị trường.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng cảm ơn và ghi nhận các ý kiến góp ý tại Hội nghị, cam kết sẽ đồng hành cùng các địa phương, doanh nghiệp để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, phát triển nuôi trồng thủy sản và triển khai Đề án theo hướng hiệu quả, bền vững.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đề các cơ quan, đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr TT Trịnh Việt Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến (để b/c);
- UBND các tỉnh/TP;
- Sở NNMT các tỉnh/TP phía Bắc;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN&MT;
- VASEP, VINAFIS, doanh nghiệp;
- Lưu: VT, VP.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Xuân Chinh